

I. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Phân môn Địa lí

- Châu Đại Dương
- Châu Nam Cực

2. Phân môn Lịch sử

- Cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077)
- Đại Việt thời Trần
- Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông-Nguyên

II. BÀI TẬP

1. Tự luận

a, Phần Địa lí

Câu 1: Trình bày đặc điểm các khu vực địa hình của lục địa Ô-xtrây-li-a?

Câu 2: Trình bày những nét đặc sắc về sinh vật của lục địa Ô-xtrây-li-a?

Câu 3: Trình bày đặc điểm vị trí địa lí của châu Nam Cực? Ảnh hưởng của vị trí địa lí tới khí hậu châu Nam Cực?

Câu 4: Trình bày các đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sinh vật) của châu Nam Cực?

b, Phần Lịch sử

Câu 1. Em hãy trình bày tình hình chính trị thời nhà Trần?

Câu 2. Em hãy cho biết tình văn hoá thời nhà Trần?

Câu 3. “*Đời Trần văn giỏi võ nhiều/Ngoài dân thịnh vượng, trong triều hiền minh*”. Em hiểu hai câu thơ trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh như thế nào?

2. Trắc nghiệm

A. Phần Địa lí

Bài 18: CHÂU ĐẠI DƯƠNG

Câu 1. Châu Đại Dương nằm giữa hai đại dương

- A. Thái Bình Dương – Ấn Độ Dương. B. Ấn Độ Dương – Đại Tây Dương.
C. Đại Tây Dương – Bắc Băng Dương. D. Bắc Băng Dương – Thái Bình Dương.

Câu 2. Tổng diện tích của châu Đại Dương là

- A. 8,5 triệu km². B. 10,5 triệu km². C. 44,4 triệu km². D. 30 triệu km².

Câu 3. Châu Đại Dương phần lớn diện tích nằm ở bán cầu nào sau đây?

- A. Bán cầu Nam. B. Bán cầu Tây. C. Bán cầu Bắc. D. Bán cầu Đông.

Câu 4. Loài động vật điển hình ở châu Đại Dương là

- A. Cáo-gu-ru. B. Bò sữa. C. Gấu túi. D. Hươu cao cổ.

Câu 5. Trên thế giới xét về diện tích, châu Đại Dương đứng thứ

- A. sáu. B. năm. C. tư. D. ba.

Câu 6. Ô-xtrây-li-a là quốc gia có

- A. cơ cấu dân số già. B. cơ cấu dân số trẻ.
C. tuổi thọ trung bình thấp. D. tỉ lệ trẻ em sinh ra cao.

Câu 7. Ô-xtrây-li-a có ngôn ngữ chính thức dùng trong giao tiếp là tiếng

- A. Anh. B. bản địa. C. Pháp. D. Do Thái.

Câu 8. Năm 2020, dân số của Ô-xtrây-li-a là

- A. 25,7 triệu người. B. 23,8 triệu người.
C. 19,1 triệu người. D. 98 triệu người.

Câu 9. Cư dân đầu tiên của quốc gia Ô-xtrây-li-a có nguồn gốc là

- A. người dân bản địa. B. người Anh.
C. người Hà Lan. D. người Tây Ban Nha .

Câu 10. Ô-xtrây-li-a là một trong nhóm 6 nước khai thác nhiều nhất về

- A. bô-xít, đồng, vàng, quặng, sắt và kim cương.
B. dầu mỏ, khí tự nhiên.
C. than đá, u-ra-ni-um, bô-xít, đồng.
D. vàng, u-ra-ni-um, bô-xít, đồng.

Câu 11. Diện tích rừng ở Ô-xtrây-li-a vào năm 2020 là

- A. 134,0 triệu ha. B. 130,7 triệu ha. C. 129,5 triệu ha. D. 133,8 triệu ha.

Câu 12. Cây trồng chịu hạn ở Ô-xtrây-li-a được trồng theo hình thức

- A. quản canh. B. luân canh. C. thâm canh. D. thủy canh.

Câu 13. Đất đai ở Ô-xtrây-li-a phần lớn có đặc điểm

- A. khô hạn, kém màu mỡ. B. ẩm ướt, phì nhiêu.
C. Khô hạn, màu mỡ. D. đất phù sa chiếm diện tích lớn.

Câu 14. Tài nguyên sinh vật ở Ô-xtrây-li-a có đặc điểm

- A. rất đa dạng và phong phú.
B. nghèo nàn, kém phát triển.
C. chủ yếu là các loại sinh vật ưa lạnh.
D. các loài động thực vật hoang dã kém phát triển.

Câu 15. Nguyên nhân cơ bản để khí hậu châu Đại Dương ôn hòa là do

- A. được biển bao quanh. B. nhiều thực vật.
C. mưa nhiều. D. nằm ở đới ôn hòa.

Câu 16. Loài vật nào sau đây là Quốc huy của Ô-xtrây-li-a?

- A. Căng-gu-ru và đà điểu. B. Chim bồ câu và đại bàng.
C. Thỏ. D. Gấu

Câu 17. Nước nào sau đây xuất khẩu than lớn nhất thế giới?

- A. Ô-xtrây-li-a. B. Niu Di- len.
C. Pa-pua Niu Ghi-nê D. Va-nu-a-tu.

Câu 18. Quan sát hình 19.1 sgk trang 162. Độ cao trung bình khu vực phía tây của Ô-xtrây-li-a là

- A. dưới 500m. B. trên 500m.
C. từ 600 – 900m. D. trên 2000m.

Câu 19. Ô-xtrây-li-a là quốc gia có

- A. mức độ đô thị hóa cao. B. mức độ đô thị hóa thấp.
C. mức độ đô thị hóa trung bình. D. mức độ đô thị hóa rất thấp.

Câu 20. Dân cư của Ô-xtrây-li-a phân bố

- A. không đồng đều. B. tập trung chủ yếu ở vùng trung tâm.
C. tập trung thưa thớt ở khu vực Đông Nam. D. dân cư đồng đều.

Câu 21. Số dân Ô-xtrây-li-a tăng nhanh là do

- A. dân nhập cư. B. quy mô dân số cao.
C. tỉ lệ dân số trong tuổi sinh đẻ cao. D. tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên thấp.

Câu 22. Dân cư Ô-xtrây-li-a lại ngày càng già hóa là do

- A. tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên rất thấp. B. dân nhập cư.
C. tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên cao. D. cơ cấu dân số trẻ.

BÀI 19: CHÂU NAM CỰC

Câu 1. Diện tích của châu Nam Cực là

- A. 14,1 triệu km². B. 8,5 triệu km². C. 30,3 triệu km². D. 10,5 triệu km².

- Câu 2.** Về tự nhiên, châu Nam Cực được chia thành
A. 2 bộ phận. B. 4 bộ phận. C. 3 bộ phận. D. 1 bộ phận.
- Câu 3.** Châu Nam Cực **không** tiếp giáp với đại dương nào sau đây?
A. Bắc Băng Dương. B. Ấn Độ Dương.
C. Nam Đại Dương. D. Thái Bình Dương.
- Câu 4.** Ranh giới để phân chia châu Nam Cực thành 2 bộ phận là
A. kinh tuyến gốc 0^0 và kinh tuyến 180^0 . B. kinh tuyến 180^0 .
C. kinh tuyến gốc 0^0 . D. vĩ tuyến gốc.
- Câu 5.** Hiệp ước Nam Cực được 12 quốc gia kí kết vào năm
A. 1959. B. 1961. C. 1990. D. 2011.
- Câu 6.** Tính đến năm 2020, Hiệp ước Nam Cực có tổng cộng
A. 54 quốc gia thành viên. B. 12 quốc gia thành viên.
C. 55 quốc gia thành viên. D. 56 quốc gia thành viên.
- Câu 7.** Người đầu tiên phát hiện ra châu Nam Cực là
A. hai nhà hàng hải người Nga. B. nhà du hành vũ trụ Ga-lê-la.
C. nhà thám hiểm Cô-lôm-bô. D. người dân gốc Phi.
- Câu 8.** Châu Nam Cực được nghiên cứu một cách toàn diện vào năm
A. 1957. B. 1975. C. 1959. D. 2020.
- Câu 9.** Địa hình chủ yếu của châu Nam Cực là
A. cao nguyên băng khổng lồ. B. đồi núi thấp.
C. đồng bằng rộng lớn. D. núi cao và cao nguyên.
- Câu 10.** Tài nguyên khoáng sản chủ yếu ở châu Nam Cực là
A. sắt, than đá, dầu khí. B. vàng, kim cương, sắt.
C. vàng, bạc, sắt. D. sắt, man-gan, dầu khí.
- Câu 11.** Loài động vật nào sau đây **không thuộc** châu Nam Cực
A. Ngựa vằn. B. Chim biển. C. Thú chân vịt. D. Chim cánh cụt.
- Câu 12.** Vận tốc gió ở châu Nam Cực là
A. trên 60 km/h. B. 50 km/h. C. 40 km/h. D. 30 km/h.
- Câu 13.** Gió ở châu Nam Cực từ trung tâm lục địa tỏa ra theo hướng
A. ngược chiều kim đồng hồ. B. thuận chiều kim đồng hồ.
C. tây bắc- đông nam. D. đông bắc- tây nam.
- Câu 14.** Nhận định nào sau đây đúng khi nói về khí hậu của châu Nam Cực?
A. Là vùng có khí áp cao. B. Là vùng có khí áp thấp.
C. là vùng nằm trong đới ôn hòa. D. là vùng nằm trong đới nhiệt đới.
- Câu 15.** Châu Nam Cực, được phân thành 2 bộ phận có đặc điểm là
A. phần phía đông châu lục có diện tích rộng hơn phần phía tây.
B. phần phía tây châu lục có diện tích rộng hơn phần phía đông.
C. phần phía đông châu lục có diện tích bằng phần phía tây.
D. phần phía đông chủ yếu địa hình núi, phía tây có địa hình thấp.
- Câu 16.** Mục đích cơ bản của Hiệp ước Nam Cực là
A. hoà bình, không phân chia lãnh thổ, tài nguyên. B. để chia lãnh thổ.
C. để thăm dò và khai thác tài nguyên. D. để tiến hành hoạt động du lịch.
- Câu 17.** Châu Nam Cực có giới hạn lãnh thổ trong phạm vi từ
A. vòng cực Nam đến cực Nam B. vĩ độ 50°N trở về cực Nam.
C. vĩ độ 40°N trở về cực Nam. D. vĩ độ 30°N trở về cực Nam.
- Câu 18.** Châu Nam Cực hiện nay thuộc chủ quyền của quốc gia nào:
A. Tài sản chung của toàn nhân loại. B. Liên Bang Nga.
C. Nhật Bản. D. Hoa Kỳ.

B. Phần Lịch sử

Câu 1. Cuộc kháng chiến chống Tống của quân dân nhà Lý do ai lãnh đạo?

- A. Ngô Quyền. B. Lý Thường Kiệt. C. Trần Cảnh. D. Lê Hoàn

Câu 2. Lý Thường Kiệt chọn khúc sông Như Nguyệt làm phòng tuyến vì

- A. nằm ở ven biển có thể chặn giặc từ biển vào.
B. là biên giới tự nhiên ngăn cách Đại Việt và Tống.
C. chặn ngang con đường bộ để tiến vào Thăng Long.
D. gần sát với biên giới Trung Quốc.

Câu 3. Tư tưởng của nhà Lý trong cuộc kháng chiến chống Tống (1075 – 1077) là

- A. chủ động. B. phòng ngự. C. bị động. D. cầu hoà.

Câu 4. Cách kết thúc chiến tranh của Lý Thường Kiệt có gì độc đáo?

- A. Chủ động đề nghị giảng hoà.
B. Chủ động rút lui để bảo toàn lực lượng.
C. Tổng tiến công, truy kích kẻ thù đến cùng.
D. Tổ chức Hội thề Đông Quan với đại diện quân Tống.

Câu 5. Nội dung chính của bài thơ “Nam quốc sơn hà” là gì?

- A. Ca ngợi vẻ đẹp cảnh quan của Đại Việt.
B. Ca ngợi công đức của các vị vua nhà Lý.
C. Khẳng định chủ quyền lãnh thổ của Đại Việt.
D. Uy hiếp tinh thần chiến đấu của quân Nguyên.

Câu 6. Năm 1075, Lý Thường Kiệt cho quân tiến đánh sang đất Tống nhằm mục đích gì?

- A. Đánh vào kinh đô nhà Tống để tạo thanh thế .
B. Đòi lại phần đất mà trước kia nhà Tống chiếm giữ.
C. Buộc nhà Tống phải thừa nhận chủ quyền lãnh thổ
D. Đánh vào nơi tập trung lương thực và vũ khí của nhà Tống.

Câu 7. Năm 1077, Tại sao Lý Thường Kiệt lại chủ động giảng hòa với quân Tống?

- A. Lý Thường Kiệt sợ mất lòng vua Tống.
B. Để bảo toàn lực lượng và tài sản của nhân dân.
C. Để đảm bảo mối quan hệ hòa hiếu giữa hai nước và là truyền thống nhân đạo của dân tộc.
D. Lý Thường Kiệt muốn kết thúc chiến tranh nhanh chóng.

Câu 8. Năm 1075, Trước nguy cơ xâm lược của nhà Tống, Lý Thường Kiệt đã

- A. Đánh du kích B. Phòng thủ C. Đánh lâu dài D. "Tiến công trước để tự vệ"

Câu 9. Đầu thế kỉ XIII, quân Mông Cổ đã làm gì?

- A. Lo phòng thủ đất nước
B. Cho sứ giả sang Đại Việt thực hiện giao bang hòa hảo
C. Mở rộng xâm lược khắp châu Á, châu Âu
D. Mở rộng xâm lược các nước vùng lân cận

Câu 10. Khi quân Mông Cổ vào Thăng Long, nhân dân Thăng Long thực hiện chủ trương gì?

- A. Kiên quyết chống trả để bảo vệ Thăng Long
B. Cho người già, phụ nữ, trẻ con đi sơ tán

C. “Vườn không nhà trống”

D. Xây dựng phòng tuyến ngăn chặn bước tiến quân giặc

Câu 11. Hội nghị quan trọng của nhà Trần tổ chức chuẩn bị cho cuộc kháng chiến năm 1285?

A. Diên Hồng

B. Thăng Long

C. Đông Bộ Đầu

D. Thiên Trường

Câu 12. Chiến thắng tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ (1258)

A. Đông Bộ Đầu, Bình Lệ Nguyên

C. Vân Đồn, Bạch Đằng

B. Tây Kết, Hàm Tử, Chương Dương

D. Thiên Mạc, Thiên Trường

Câu 13. Ai là vị tướng nổi tiếng nhất của triều đại nhà Trần?

A. Trần Quốc Tuấn

B. Trần Thủ Độ

C. Trần Quang Khải

D. Trần Nhật Duật

Câu 14. Chiến thắng quan trọng nhất trong kháng chiến chống quân Mông- Nguyên?

A. Đông Bộ Đầu

B. Hàm Tử

C. Vân Đồn

D. Bạch Đằng

Câu 15. Nhà Trần có chủ trương đánh giặc như thế nào trong việc chống quân Mông- Nguyên?

A. Tiêu diệt đoàn thuyền lương

B. Chặn đánh ngay từ khi quân giặc vừa tiến vào nước ta

C. Thăng Long thực hiện “vườn không nhà trống”

D. Đào chiến lũy bảo vệ Thăng Long

Câu 16. Trung tâm kinh tế phát triển nhất thời Trần?

A Thăng Long

B. Vân Đồn

C. Hội Triều

D. Hội Thống

Câu 17. Nội dung nào **không đúng** về hoàn cảnh thành lập của nhà Trần?

A. Nhà Lý suy yếu, phải dựa vào họ Trần để đánh dẹp các thế lực chống đối.

B. Dân chúng cực khổ; tình trạng lụt lội, hạn hán, mất mùa liên tiếp xảy ra.

C. Họ Trần từng bước thâm tóm quyền hành trong triều đình.

D. Đất nước thái bình, thịnh trị; đời sống nhân dân ổn định, phát triển.

Câu 18. Thời nhà Trần, tầng lớp nào nắm giữ những chức vụ chủ chốt trong chính quyền?

A. Quý tộc.

B. Nông dân.

C. Thợ thủ công.

D. Thương nhân.

Câu 19. Chế độ ruộng đất đặc biệt của thời Trần là ...

A. Điền trang, Thái ấp

B. Sơn trang, sơn lăng

C. Tịch điền

D. Lãnh địa

Câu 20. Tên gọi cơ quan sử học của nhà Trần ?

A. Viện sử học

B. Quốc sử quán

C. Quốc sử viện

D. Hàn lâm viện

Câu 21. Thái độ của vua Trần như thế nào khi sứ giả Mông Cổ đến đưa thư đe dọa và dụ hàng?

A. Trả lại thư

B. Bắt giam vào ngục

C. Tỏ thái độ giảng hòa

D. Không quan tâm

Câu 22. Nhân tố nào tạo nên sự gắn bó đoàn kết giữa triều Trần với nhân dân?

A. Nhà Trần chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

B. Nhà Trần chủ động giải quyết những bất hòa trong nội bộ vương triều.

C. Nhà Trần chuẩn bị chu đáo về mọi mặt cho cuộc kháng chiến.

D. Nhân dân có tinh thần hi sinh, quyết chiến quyết thắng.

Câu 23. Trần Quốc Tuấn đã soạn Hịch Tướng sĩ để

A. kêu gọi quân sĩ và nhân dân hạ vũ khí, đầu hàng giặc.

- B. khích lệ tinh thần chiến đấu của quân dân Đại Việt.
- C. huy động quân sĩ xây dựng phòng tuyến trên sông Như Nguyệt.
- D. vận động nhân dân thực hiện kế sách “vườn không nhà trống”.

Câu 24. Nhân vật nào **không phải** tướng lĩnh Nguyên-Mông?

- A. Thoát Hoan, Ô Mã Nhi.
- B. Ô Mã Nhi, Toa Đô.
- C. Quách Quỳ, Triệu Tiết.
- D. Ngột Lương Hợp Thai, A Truật.

Câu 25: Chiến thắng tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống quân Mông- Nguyên (1285)?

- A. Bình Than, Đông Bộ Đầu, Vạn Kiếp.
- B. Vân Đồn, Bạch Đằng.
- C. Tây Kết, Hàm Tử, Chương Dương.
- D. Thiên Trường, Thăng Long.

BGH xác nhận

Nhóm trưởng (TTCM)

GVBM

Tạ Thúy Hà

Nguyễn Thị Kim Thanh

Đào Thị Lan Anh